

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/DS-ST

Ngày: 14/6/2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Trí

Bà Trần Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phước là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Dương Tấn Phát – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXX-ST ngày 04 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Đình V, sinh năm 1955

Địa chỉ: MA, xã TB, huyện TS, tỉnh Bình Định (có mặt).

Bị đơn: Bà Trương Thị G (T), sinh năm 1972

Địa chỉ: Đội 10, thôn AC, xã TB, huyện TS, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 10 năm 2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Võ Đình V trình bày:

Từ năm 2007 đến năm 2008 bà Trương Thị G có mượn của ông tổng số tiền 103.000.000 đồng, cụ thể:

+ Ngày 03/10/2006 số tiền 3.000.000 đồng;

+ Ngày 11/10/2006 số tiền 3.000.000 đồng;

- + Ngày 01/3/2007 số tiền 4.000.000 đồng;
- + Ngày 04/5/2007 số tiền 3.500.000 đồng;
- + Ngày 04/10/2007 số tiền 13.000.000 đồng;
- + Ngày 26/12/2007 số tiền 1.500.000 đồng;
- + Ngày 23/01/2008 số tiền 5.000.000 đồng;
- + Ngày 11/02/2008 số tiền 18.000.000 đồng;
- + Ngày 28/3/2008 số tiền 2.000.000 đồng;
- + Ngày 04/4/2008 số tiền 10.000.000 đồng;
- + Ngày 20/6/2008 số tiền 13.000.000 đồng;
- + Ngày 22/6/2008 số tiền 17.000.000 đồng;
- + Ngày 23/6/2008 số tiền 10.000.000 đồng.

Các lần mượn bà G đã thỏa thuận vay lãi suất 5%/tháng (tương ứng 1.000.000 đồng trả 50.000 đồng), nhưng bà G có tháng trả, tháng không với lý do kẹt tiền để thu hoạch mía cuối năm mới trả. Ông đã đòi nhiều lần nhưng bà G vẫn không trả. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà G có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 103.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Tại lời khai ngày 15/5/2022 và ngày 02/10/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Trương Thị G trình bày:

Giữa bà và ông V không có quan hệ bà con gì chỉ là chỗ quen biết cho vay tiền. Bà có vay tiền của ông Võ Đình V số tiền 20.000.000 đồng từ năm 1998. Bà vay số tiền 20.000.000 đồng của ông V vay một lần. Do thời gian lâu quá bà không nhớ ngày tháng chính xác chỉ nhớ năm, hai bên có viết giấy nợ, bà là người viết giấy nợ và ký nhận. Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 10%/tháng (20.000.000 đồng tương ứng tiền lãi 2.000.000 đồng). Bà đã trả tiền gốc và tiền lãi cho ông V đến năm 2013 còn nợ lại là 1.500.000 đồng, sau đó ông V nói thôi cho bà luôn nên bà không có trả nữa. Việc bà trả nợ hết cho ông V thì giấy nợ bà gạch trong sổ ông V giữ theo dõi chứ bà không có giấy tờ gì. Giấy xác nhận nợ số tiền 103.000.000 đồng mà ông V xuất trình cho Tòa án khởi kiện yêu cầu trả nợ thì bà không biết số tiền này. Còn nội dung viết giấy xác nhận là do ông V viết, không phải chữ ký của bà trong giấy nợ số tiền 103.000.000 đồng, bà tên là G mà trong giấy xác nhận nợ tên T, nên bà không đồng ý trả nợ cho ông V.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đa phần đúng quy định của pháp luật tố tụng, tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn thụ lý vụ án. Bị đơn bà Trương Thị G đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử vắng mặt bà G. Về nội dung: Đề nghị căn cứ các Điều 357, 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đình Vân, buộc bà Trương Thị G (T) phải trả cho ông Võ Đình V số tiền còn nợ là 103.000.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông V không yêu cầu tính lãi suất. Về chi phí giám định: Áp dụng Điều 161 BLTTDS, bà G phải chịu 4.000.000 đồng; Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14, bà G phải chịu 5.150.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Trương Thị G là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Giữa ông Võ Đình V và bà Trương Thị G là chỗ quen biết với nhau nên ông V có cho bà G vay số tiền 103.000.000 đồng, cụ thể các lần vay: Ngày 03/10/2006 số tiền 3.000.000 đồng; Ngày 11/10/2006 số tiền 3.000.000 đồng; Ngày 01/3/2007 số tiền 4.000.000 đồng; Ngày 04/5/2007 số tiền 3.500.000 đồng; Ngày 04/10/2007 số tiền 13.000.000 đồng; Ngày 26/12/2007 số tiền 1.500.000 đồng; Ngày 23/01/2008 số tiền 5.000.000 đồng; Ngày 11/02/2008 số tiền 18.000.000 đồng; Ngày 28/3/2008 số tiền 2.000.000 đồng; Ngày 04/4/2008 số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 20/6/2008 số tiền 13.000.000 đồng; Ngày 22/6/2008 số tiền 17.000.000 đồng; Ngày 23/6/2008 số tiền 10.000.000 đồng. Đến năm 2010 hai bên viết giấy xác nhận nợ, giấy xác nhận nợ do ông V viết, bà G có ký tên vào giấy xác nhận nợ, giấy không ghi thời hạn trả nợ, không ghi lãi suất. Từ năm 2010 đến nay bà G chưa trả nợ, nay ông V yêu cầu bà G phải trả nợ số tiền là 103.000.000 đồng một lần và không yêu cầu tính lãi suất. Bà G không thừa nhận có nợ của ông V số tiền 103.000.000 đồng.

[2.2] Xét hợp đồng vay tài sản giữa ông V và bà G được ông V thừa nhận hai bên xác lập giấy nợ vào năm 2010, lâu quá ông không nhớ ngày tháng, do sơ suất ông không ghi ngày tháng năm vào giấy. Đây là hợp đồng vay không có kỳ hạn và không có lãi được quy định tại khoản 1 Điều 469 BLDS năm 2015. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn ông V đã cung cấp chứng cứ là Giấy xác nhận nợ năm 2010 có chữ ký của bà Trương Thị G (tức T) số tiền 103.000.000 đồng do bà Trương Thị G ký vào giấy nhận nợ. Bị đơn bà G cho rằng bà tên G mà trong giấy xác nhận nợ ghi T nên không đồng ý trả nợ cho ông V nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 02/10/2022 bà Trương Thị G khai “Ngoài tên G tôi có tên thường gọi là T” là bà đã thừa nhận mình còn có tên là T và bà G không công nhận chữ ký trong giấy xác nhận nợ là của bà nên Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định chữ viết của bà Trương Thị G trong giấy xác nhận nợ. Tại Kết luận giám định số 93/KL-KTHS ngày 10/3/2023 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: Chữ viết “Số tiền đó là đúng ký tên T” phía dưới mục “Đại diện bên mượn tiền” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ viết đứng tên bà Trương Thị G trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M7) **là do cùng một người viết ra**. Do vậy, HĐXX không chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị G là không có nợ tiền của ông V nên yêu cầu của ông V được HĐXX chấp nhận. Do đó, buộc bà G phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông V số tiền 103.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về lãi suất: Tại phiên tòa hôm nay, ông Võ Đình V không yêu cầu tính tiền lãi suất của khoản vay 103.000.000 đồng mà chỉ yêu cầu bà G trả số nợ 103.000.000 đồng, nên HĐXX ghi nhận tự nguyện của ông V không tính lãi suất.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông V được Hội đồng xét xử chấp nhận nên theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, bị đơn bà Trương Thị G phải chịu 5.150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả 2.575.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho ông Võ Đình V đã nộp theo biên lai thu số 0007243 ngày 25/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

[5] Về chi phí giám định: Theo quy định tại Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 bà Trương Thị G phải chịu 4.000.000 đồng chi phí giám định. Ông Võ Đình V đã nộp tạm ứng 4.000.000 đồng nên buộc bà G phải trả cho ông V số tiền 4.000.000 đồng.

[6] Lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 147 và Điều 161 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Đình V đối với bị đơn bà Trương Thị G.

2. Buộc bà Trương Thị G (T) phải có nghĩa vụ trả cho ông Võ Đình V số tiền 103.000.000 (Một trăm lẻ ba triệu) đồng.

3. Bác lời nại của bà Trương Thị G không thừa nhận còn nợ của ông V số tiền 103.000.000 đồng là không có căn cứ vì không được nguyên đơn chấp nhận.

4. Về án phí:

Bà Trương Thị G phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đồng 5.150.000 (Năm triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Hoàn trả cho ông Võ Đình V số tiền 2.575.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho ông Võ Đình V đã nộp theo biên lai thu số 0007243 ngày 25/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

5. Về chi phí tố tụng: Bà Trương Thị G phải chịu 4.000.000 (Bốn triệu) đồng chi phí giám định. Ông Võ Đình V đã nộp tạm ứng 4.000.000 đồng nên buộc bà G phải trả cho ông V 4.000.000 (Bốn triệu) đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

7. Về quyền nghĩa vụ thi hành án:

7.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự H. Tây Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Lê Thị Minh Trí

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Minh Trí

